TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/HS-ST
Ngày: 28-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vương Xuân Tượng;

- Bà Huỳnh Thị Minh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến–Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 28tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số190/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quách Cẩm T**; sinh ngày 29 tháng 01 năm 1988; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Minh H, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1966; gia đình bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình;có chồng: anh Ngô Thanh T, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: chưa có: tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 28/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Có mặt)*

-Bị hại:

1.Anh **Trịnh Công S**, sinh năm: 1989, nơi cư trú: đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Vắng mặt)*

2. **Công ty tài chính V;** Trụ sở: đường Đ, phường J, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G**, sinh năm 1972; Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông **Lý Tuấn A**; Giám đốc trung tâm an ninh của Công ty (theo văn bản uỷ quyền số 10/UQ-AN.19 ngày 24/01/2019).

- Ông **Huỳnh Ngọc C**, Chuyên viên của công ty (là người được uỷ quyền lại theo văn bản uỷ quyền số 102/UQ-AN.19 ngày 27/8/2019).*(Có mặt)*

3. **Công ty tài chính H;** Trụ sở: đường N, phường T, quận B,Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông **Dmistry M**, sinh năm 1972; Quốc tịch Nga; là Tổng giám đốc của công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông **Trần Trung K**; Chuyên viên anh ninh của công ty (theo các văn bản uỷ quyền số 153/2019/GUQ-SE ngày 03/5/2019 và số 289/2019/GUQ-SE ngày 22/11/2019).*(Có mặt)*

4. Anh **Đinh Vi D,** sinh năm: 1995, nơi cư trú: đường P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Vắng mặt)*

5. Anh **Dương Anh V,** sinh năm: 1972, nơi cư trú: đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Cẩm T là chuyên viên vùng nguyên liệu của công ty cổ phần S (nay là công ty cổ phần K) thuộc Hợp tác xã P có trụ sở tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các nhà cung cấp nông sản cho công ty. Thực hiện ý định, tháng 07 năm 2018, T liên hệ với anh Trịnh Công S, là nhà cung cấp khoai lang để thu mua 2.843kg khoai lang cho công ty. T nói dối với anh S công ty chưa làm được hợp đồng với nhà cung cấp mới nên sẽ đăng ký thu mua khoai của anh S dưới tên Nguyễn Thị Anh T1 thì anh S đồng ý. Sau đó, T liên hệ với Nguyễn Thị Anh T1 (là bạn của T, không rõ nhân thân, lai lịch) mượn số tài khoản của T1 để công ty chuyển khoản số tiền 44.756.000đồng thu mua 2.843kg khoai lang và nói dối với T1 đây là số tiền T bán khoai lang mà có và nhờ T1 chuyển lại toàn bộ số tiền trên cho T thì T1 đồng ý. Sau khi công ty chuyển số tiền trên vào tài khoản của T1, T1 đã rút toàn bộ số tiền này giao cho T và T đã tiêu xài hết.

Bị hại: anh Trịnh Công S bị T chiếm đoạt 2.843 kg khoai lang.Theo kết luận định giá tài sản số 615 ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định 2.843kg khoai lang trên vào thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 42.645.000 (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. T đã tác động gia đình bồi thường cho anh S số tiền 14.000.000 đồng, anh S không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đến tháng 11/2018, T gặp và quen một người tên Nguyễn Thành T2 (không rõ nhân thân lai lịch) tại thành phố Hồ Chí Minh, biết T không có nghề nghiệp nên T2 nói sẽ làm giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả cho T để T sử dụng đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản rồi gửi về thành phố Hồ Chí Minh để T2 tiêu thụ thì T đồng ý. Từ ngày 19/02/2019 đến ngày 20/3/2019, T đã sử dụng các giấy tờ giả và tiền

do T2 đưa 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 19/02/2019, T đến cửa hàng điện thoại di động M ở đường P, phường B, thành phố Đ. T sử dụng giấy chứng minh nhân dân cùng giấy phép lái xe giả mang tên Quách Cẩm T, SN: 29/01/1988, HKTT: đường L, phường P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cùng 4.000.000 đồng do T2 đưa để làm thủ tục mua trả góp 01 điện thoại di động hiệu IPhone 8 Plus, màu vàng của cửa hàng với giá 14.000.000 đồng, T trả trước 4.000.000 đồng và ký Hợp đồng với Công ty tài chính V vay số tiền còn lại 10.660.000 đồng (gồm tiền mua điện thoại còn thiếu và phí bảo hiểm khoản vay) để trả tiền mua chiếc điện thoại trên. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại trên, T mang về thành phố Hồ Chí Minh đưa cho T2 đi tiêu thụ và được T2 đưa cho số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết. Từ đó cho đến nay T không thanh toán khoản tiền vay nào cho Công ty tài chính nói trên.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu IPhone 8 Plus, cơ quan điều tra không thu hồi được.

Bị hại: Công ty tài chính V, anh Huỳnh Ngọc C, đại diện theo uỷ quyền của công ty yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho công ty số tiền 10.660.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng và số tiền chịu phạt do T đóng trễ hạn theo hợp đồng đã ký kết.

Lần 2: Với thủ đoạn như trên, ngày 24/02/2019, T đến cửa hàng điện thoại di động F ở đường H, phường E, thành phố Đ, sử dụng giấy chứng minh nhân dân cùng giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Thùy Bích T3, sinh ngày: 22/8/1986, HKTT: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cùng 4.000.000 đồng T2 đưa cho T làm thủ tục mua trả góp 01 điện thoại di động hiệu IPhone 6S Plus, màu vàng của cửa hàng với giá 10.990.000 đồng, T trả trước 3.297.000 đồng và làm thủ tục vay số tiền 7.923.000đ ồng (gồm tiền mua điện thoại còn thiếu và phí bảo hiểm khoản vay) của Công ty tài chính TNHH Một thành viên H để mua chiếc điện thoại trên. Sau đó, T mang chiếc điện thoại trên về thành phố Hồ Chí Minh đưa cho T2 đi tiêu thụ và được T2 đưa cho số tiền 1.000.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết. Từ đó cho đến nay T không thanh toán khoản tiền vay nào cho Công ty tài chính nói trên.

Vật chứng của vụ án: 01điện thoại di động hiệu IPhone 6S Plus, cơ quan điều tra không thu hồi được.

Bị hại: Công ty tài chính H, anh Trần Trung K, đại diện theo uỷ quyền của công ty yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho công ty số tiền 7.923.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng và số tiền chịu phạt do T đóng trễ hạn theo hợp đồng đã ký kết.

Lần 3: Ngày 19/3/2019, T tiếp tục sử dụng giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Thùy Bích T3 đi đến cửa hàng cho thuê xe mô tô của anh Đinh Vi D ở địa chỉ đường L, phường B, thành phố Đ để lừa thuê của anh D 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49D1-394.45. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, T gửi về thành phố Hồ Chí Minh thông qua nhà xe khách B cho T2 để T2 tiêu thụ, T được T2 trả số tiền 5.000.000 đồng, T đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49D1-394.45, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 giấy phép lái xe số 79116504…., mang tên Nguyễn Thùy Bích T3, ngày sinh: 22/08/1986, nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, cấp ngày 19/5/2016.

Bị hại: anh Đinh Vi D bị T chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49D1-394.495. Theo kết luận định giá số 226 ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe trên trị giá 20.560.000 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, anh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên.

Lần 4: Với thủ đoạn tương tự, ngày 20/3/2019, T sử dụng giấy chứng minh nhân dân cùng giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Thanh T4 đến thuê phòng và thuê xe tại khách sạn L ở đường N, phường B, thành phố Đ. Sau khi làm thủ tục cho T thuê phòng xong, anh Lê Như Nguyễn Hoàng L là chủ của khách sạn đã liên hệ với cửa hàng của anh Dương Anh V thuê cho T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49B1-450.77. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe nói trên, T gửi chiếc xe này qua nhà xe khách B về thành phố Hồ Chí Minh để T2 tiêu thụ, lần này T2 chưa trả tiền cho T.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49B1-450.77, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 Chứng minh nhân dân số 025919…, mang tên Nguyễn Thanh T4, sinh ngày 29/01/1988, nguyên quán TP. Hồ Chí Minh, HKTT: đường N, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 30/6/2016, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 Chứng minh nhân dân số 025918…, mang tên Quách Cẩm T, sinh ngày 29/01/1988, nguyên quán Thành phố Hồ Chí Minh, HKTT: đường L, phường P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 30/6/2016, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại: anh Dương Anh V, bị T chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49B1-450.77. Theo kết luận định giá số 226 ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe trên trị giá 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng, anh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên.

Tại bản kết luận giám định số 1123/GĐ-PC09 ngày 08/8/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận đối với những giấy tờ Quách Cẩm T sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói trên như sau:

- 01 giấy phép lái xe số 791165046…, mang tên Nguyễn Thùy Bích T3, ngày sinh: 22/08/1986, nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, cấp ngày 19/5/2016 không phải là loại giấy phép lái xe do Bộ giao thông vận tải phát hành.

- Giấy chứng minh nhân dân số 025919…, cấp ngày 30/6/2016, họ tên: Nguyễn Thanh T4 không phải là loại giấy chứng minh nhân dân do Bộ Công an phát hành.

- Giấy chứng minh nhân dân số 025918…, cấp ngày 30/6/2016, họ tên: Quách Cẩm T không phải là loại giấy chứng minh nhân dân do Bộ Công an phát hành.

Cáo trạng số 173/CT-VKS ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Quách Cẩm T về các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* theo quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Anh Huỳnh Ngọc C, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tài chính V yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho công ty số tiền 10.660.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi, phí phạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Trần Trung K, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tài chính H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho công ty số tiền 7.923.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi, phí phạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Dương Anh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn**)** đồng tương ứng với trị giá chiếc xe bị T chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền mà các bị hại yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quách Cẩm T phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 - 42 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và từ 24-30 tháng tù về tội*"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của các bị hại, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 10.660.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng cho Công ty tài chính V, bồi thường số tiền 7.923.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng cho Công ty tài chính H, bồi thường cho V số tiền 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn**)** đồng, bồi thường cho anh D số tiền 20.560.000 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thể hiện ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, các bị hại anh Trịnh Công S, anh Đinh Vi D vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Để có tiền tiêu xài, tháng 07/2018, bị cáo Quách Cẩm T đã dùng lời nói gian dối để bị hại là anh Trịnh Công S tin tưởng bán cho Công ty cổ phần S (nơi bị cáo làm việc) dưới tên Nguyễn Thị Anh T1 số lượng 2.843kg khoai lang trị giá 42.645.000 (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Sau khi công ty chuyển trả số tiền mua khoai của anh S vào tài khoản của T1 thì T đã nói dối với T1 đây là tiền của T bán khoai mà có nên T1 đã rút và đưa lại toàn bộ số tiền này cho T. Sau đó T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên của anh S.

Ngoài ra, từ ngày 19/02/2019 đến ngày 20/3/2019, bị cáo T đã sử dụng chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả do đối tượng tên Nguyễn Thành T2 (không rõ lai lịch, địa chỉ) đưa để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể bằng thủ đoạn trên bị cáo T đã lừa đảo để chiếm đoạt của Công ty tài chính V số tiền vay và tiền bảo hiểm là 10.660.000 đồng để mua 01 điện thoại di động hiệu IPhone 8 Plus tại cửa hàng điện thoại di động M ở đường P, phường B, thành phố Đ; chiếm đoạt của Công ty tài chính H số tiền vayvà tiền bảo hiểm là 7.923.000đồng để mua 01 điện thoại di động hiệu IPhone 6 Plus tại cửa hàng điện thoại di động F ở đường H, phường E, thành phố Đ; lừa đảo để thuê và chiếm đoạt của anh Đinh Vi D 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS:49D1-394.45 trị giá 20.560.000 đồng; lừa đảo để thuê và chiếm đoạt anh Dương Anh V 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 49B1-450.77 trị giá 18.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt là 100.688.000 (một trăm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng. Sau khi chiếm đoạt được các tài sản là điện thoại và xe mô tô nói trên, bị cáo mang về thành phố Hồ Chí Minh cho đối tượng tên T2 để tiêu thụ và được T2 trả tổng số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.Theo kết luận giám định số 1123/GĐ-PC09 ngày 08/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận các giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mà T sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói trên đều không phải là loại giấy tờ do Bộ Công an và Bộ giao thông vận tải phát hành. Hành vi của bị cáo Quách Cẩm T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*và tội*"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự mà

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan Nhà nước thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện nhiều lần với giá trị tài sản chiến đoạt lớn là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của các bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho anh Trịnh Công S, anh S không có yêu cầu bồi thường thêm. Tại phiên toà, bị hại là anh V và người đại diện của bị hại Công ty tài chính H và Công ty tài chính V đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Điều 174 và 341 Bộ luật hình sự đều quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh S đã nhận số tiền bồi thường 14.000.000 đồng của gia đình bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

Các bị hại là Công ty tài chính V yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền gốc đã vay là 10.660.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng; Công ty tài chính H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền gốc đã vay 7.923.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng; anh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.560.000 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng và anh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng. Xét thấy yêu cầu bồi thường nói trên của các bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo T cũng đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền nói trên nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường nói trên.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy: 01 Chứng minh nhân dân số 025918…, mang tên Quách Cẩm T, sinh ngày 29/01/1988; 01 giấy phép lái xe số 79116504…, mang tên Nguyễn Thùy Bích T3, ngày sinh: 22/08/1986; 01 Chứng minh nhân dân số 025919…, mang tên Nguyễn Thanh T4, sinh ngày 29/01/1988 mà Cơ quan điều tra thu giữ là những giấy tờ giả mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là chứng cứ của vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

[9] Trong vụ án này, có Nguyễn Thành T2 là người làm các giấy tờ giả và đưa tiền cho T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, T2 cũng là người tiêu thụ những tài sản do T phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay chưa xác minh được nhân thân lai lịch của T2 nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Đối với Nguyễn Thị Anh T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) là người giúp T nhận tiền thu mua khoai lang từ công ty và chuyển lại tiền cho T. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định T1 không biết gì về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên không có cơ sở để xử lý đối với T1.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Quách Cẩm T phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Quách Cẩm T **03** (ba) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và **02** (hai) năm tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Quách Cẩm T chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2019.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Quách Cẩm T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty tài chính V số tiền gốc là 10.660.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng; bồi thường cho Công ty tài chính số tiền gốc là 7.923.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng; bồi thường cho anh Đinh Vi D số tiền 20.560.000 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng và bồi thường cho anh Dương Anh V số tiền 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 Chứng minh nhân dân số 025918…, mang tên Quách Cẩm T, sinh ngày 29/01/1988, nguyên quán Thành phố Hồ Chí Minh, HKTT: đường L, phường P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 30/6/2016, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 Chứng minh nhân dân số 025919…, mang tên Nguyễn Thanh T4, sinh ngày 29/01/1988, nguyên quán Thành phố Hồ Chí Minh, HKTT: đường N, xã L, huện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 30/6/2016, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 giấy phép lái xe số 791165046…, mang tên Nguyễn Thùy Bích T3, ngày sinh: 22/08/1986, nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, cấp ngày 19/5/2016.

(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Quách Cẩm T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.902.150 (hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại là Công ty tài chính V, Công ty tài chính H và anh V có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh S, anh D vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Lệ Quyên